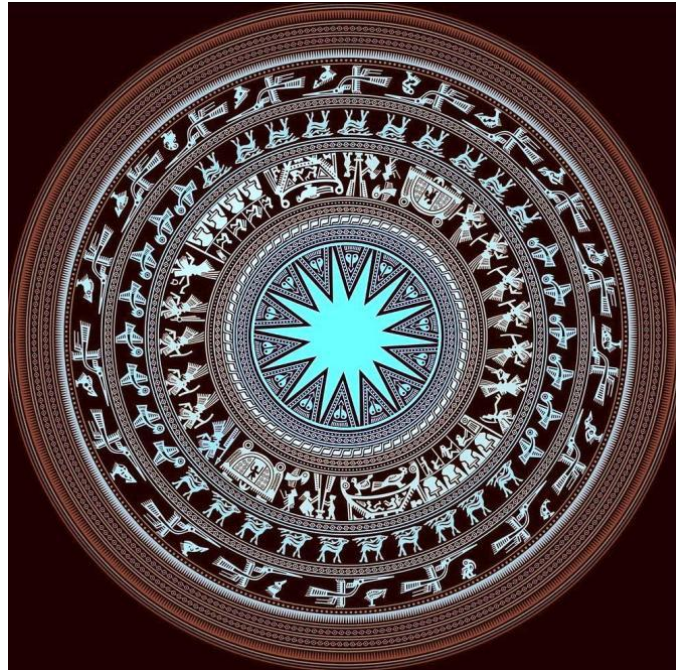


Trao đổi nghiên cứu khoa học

GIẢI MÃ HOA VĂN TRỐNG ĐỒNG (HÙNG LINH) NGỌC LỬ

DƯƠNG ĐÌNH MINH SƠN*

Trống đồng là dịch từ thuật ngữ đồng cổ (nhạc khí) của Trung Quốc. Do có tên đồng cổ rồi, cho nên khi đất nước ta giành lại được quyền tự chủ, Thư tịch của Đại Việt (*Đại Việt sử ký toàn thư, Việt điện u linh*) gọi là thần Đồng Cổ - vị thần bảo quốc hộ dân. Vì thế, trong sách *Văn hoá Nỗ Nùng* của chúng tôi (Nxb. Khoa học xã hội - 2008 có đề xuất gọi Trống Đồng là Hùng Linh. Hùng Linh có hai nghĩa: Một là vật linh do thời Hùng Vương sáng tạo; Hai là hùng khí và linh hồn sông núi tụ hội lại ở vật linh này. Đề xuất của chúng tôi đã được một số nhà khoa học đồng tình. Do đó ở đây cũng xin được gọi là Trống Đồng Hùng Linh.



Hình 1. Hùng Linh Ngọc Lử (trích từ Tủ sách Khoa học VLOS)

* Chuyên viên Trung tâm nghiên cứu bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc.



Hình 2. Nhà sống võng a,b.



Hình 3. Nhà sống cong c,d

Những hình thái hoa văn trên Trống Đồng (Hùng Linh) Ngọc Lũ

Hùng Linh Đông Sơn, khởi nguyên là Hùng Linh Ngọc Lũ - kiệt tác có một không hai của nhân loại, vẻ đẹp giàu sang quyền quý, những mô típ hoa văn tinh xảo kỳ bí, kí hiệu mật mã ẩn chứa nhiều thông tin được ghi trên hợp kim đồng thau không hạn rì; hun đúc hào khí anh linh sông núi, biểu tượng văn minh của nước Văn Lang, biểu trưng vương quyền của các vua Hùng.

Nhà khảo cổ học Hà Văn Tấn viết: “Tổ tiên ngàn xưa muốn nói gì khi chạm khắc những hình người và động vật, những hoa văn trang trí trên Trống Đồng? Đó là những bức tranh hiện thực, những đường nét trang trí mang tính chất thẩm mỹ đơn thuần hay là những hình tượng đã được mã hoá chứa đựng những ý nghĩa sâu kín, có thể liên quan đến tôn giáo hay lịch pháp? Công việc giải mã thứ ngôn ngữ đó tất nhiên không phải dễ

dàng”¹. Do đó, việc giải mã hoa văn Hùng Linh Ngọc Lũ, theo chúng tôi có hai phần. Một là, những hình thái hoa văn trên Hùng Linh Ngọc Lũ; Hai là, hàm nghĩa của những hình thái hoa văn đó.

Nhà Khảo cổ học người Pháp, Madeleine Colani, người đầu tiên (1924) cho rằng, ngôi sao nhiều cánh giữa mặt Trống Đồng là hình Mặt trời với các tia nắng². Nhưng theo chúng tôi, các tia nắng sao lại có hệ số 4,8,10,12,14,16 trên IV loại trống Heger?

Tác giả Bùi Huy Hồng (1974) cho rằng, các mặt Trống Đồng Ngọc Lũ, Hoàng Hạ là các thiên đồ, có thể vừa dùng làm nhật quỹ (dụng cụ đo bóng Mặt trời), vừa dùng làm tấm lịch có tính chất Dương lịch, qua ánh nắng của từng khắc mà biết từng tiết khí trong năm, nếu theo năm và ngày tiết khí, và có chất Âm lịch (lịch Mặt trăng)³.

Tác giả Lê Văn Siêu (2003) cho rằng, ý nghĩa nằm ở các con số. Tạm coi là hình Mặt trời ở giữa mặt trống, nhưng sao lại 14 tia sáng mà không hơn, không kém? Sao có 18 con chim, lại có 6 con gà, 10 con hươu? Rồi 8 con gà, 10 con hươu nữa? Nếu làm cho đẹp sao không làm đều nhau?... Từ đó, ông coi hoa văn Trống Ngọc Lũ là một cuốn lịch của thời xưa⁴.

Ban đầu, chúng tôi không có ý định nghiên cứu gì về văn hoá Đông Sơn. Nhưng qua nghiên cứu đề tài *Văn hoá Nở Nường* dựa theo thuyết *Sinh học*, mà mới “ngộ” ra ý nghĩa của hoa văn Hùng Linh Ngọc Lũ. Đó là việc ban đầu giải mã những hiện vật văn hoá như quả trứng tâm linh, đôi đĩa bông trên bát cơm cúng người quá cố và những môtip hoa văn thổ cẩm như hình tròn có chấm ở giữa, hình chữ S, dây cuộn thừng... Những môtip hoa văn này xuất hiện từ thời Đồ đá mới và trên đồ gốm ở các vùng văn hoá Tiền Đông Sơn, rồi hội tụ giá trị thành thời văn minh Đông Sơn, mà tiêu biểu là hiện vật Trống Đồng (Hùng Linh) Ngọc Lũ.

Nhân loại ban sơ, thưở mới có nhận thức, hẳn đã tìm hiểu về nguồn gốc và sự sinh ra dân tộc mình, cho nên những hiện vật biểu tượng xuất hiện đầu tiên đều là hình ảnh của linh vật sinh thực khí của con người. Và, đó cũng là tiền đề để xây dựng nên nền tảng văn hoá tư tưởng của

¹ Hà Văn Tấn (1998), *Theo dấu các văn hoá cổ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 638.

² M. Colani (1940), *Survivance d'un culie solaire*, in *Proceedings of the Third Congress of prehistorians of the Far East* (“Tàn dư của một tín ngưỡng thờ mặt trời”. Trong “kỷ yếu Đại hội các nhà tiền sử Viễn Đông lần thứ ba”) Singapore tr. 173-173.

³ Bùi Huy Hồng (1974), *Lịch thời Hùng Vương trên mặt trống đồng Ngọc Lũ*, Tạp chí khảo cổ học số 14, tr. 65-108.

⁴ Lê Văn Siêu (2003), *Việt Nam văn minh sử lược khảo*, Nxb. Lao Động, tập thượng, tr.58-59.

mỗi dân tộc như người Giao Chi. Sách *Kinh dịch* nguyên thủy thanh âm nét đứt “- -”, thanh dương nét liền “-” là biểu tượng sinh thực khí của nam nữ⁵, hoặc Hán tự của Trung Quốc có chữ "Tổ" trong Tổ tiên, ông bà. Trong chữ *Tổ* (祖) có bộ *thả* (且). Bộ "thả" nguyên ý là chỉ bộ phận sinh thực của nam giới⁶, hoặc ở Ấn Độ có Linga và Yoni kết tinh thành thần Siva, tay trái cầm Linga đặt trên đầu gối, và Kinh Rig-Vêda lấy lá sen biểu tượng cho tử cung của người mẹ⁷. Còn ở Việt Nam, Hùng Linh Ngọc Lũ theo chúng tôi, là biểu tượng về bộ phận sinh nở của mẹ Âu Cơ, nơi khởi nguyên vòng đời của dân tộc Giao Chi.

1. Lễ hội vòng đời

Hoa văn Hùng Linh Ngọc Lũ là bức tranh hoành tráng phản ánh cuộc lễ hội vòng đời của con người, thành cuộc “Triển lãm” biểu trưng sự giàu có, trù phú của đất nước Văn Lang: Các hình thái phong tục, tập quán, cảnh sinh hoạt đời sống của cộng đồng, được miêu tả rất cụ thể, rất sinh động; mỗi loại hình có thể là đặc điểm của từng vùng, được trưng bày theo từng địa điểm. Vị trí trung tâm của nghi lễ là vật *hèm*, nay là cây *nêu* (âm dương), vành ngoài là cảnh người hoá trang múa hát, cảnh hai người cầm chày “giã gạo” (Hình 2,b), cảnh bốn người ngồi cầm gậy giã trống đồng, đến khu trưng bày các kiểu nhà sống võng, sống cong; vành ngoài nữa là các muông thú; còn vành bên thân Hùng Linh là cảnh thuyền bè trên sông nước, hoặc là diễn tả các chiến trận; chen vào giữa các vành hoa văn hiện thực ấy là những vành hoa văn biểu tượng về các giai đoạn hoài thai và đủ tháng lọt lòng mẹ của hài nhi. Hoa văn Hùng Linh Ngọc Lũ phải chăng còn là bản thống kê, tổng điều tra dân số trong ngày thành lập nước Văn Lang của vua Hùng?

Ở đây, gọi là trống, nhưng có điều lạ là cách sử dụng trống, là cảnh người ngồi trên trống để “giã” trống (Hình 4). Người tới nay chú ý hơn cả là Fr. Heger, nhà nghiên cứu coi đó là mảng trung tâm của trống⁸. Bởi lẽ, trong thực tế không ai ngồi trên trống để “giã” trống cả. Vì

⁵ Vương Ngọc Đức (1990), *Thần bí dịch bát quái*, Nxb. Nhân dân tỉnh Quảng Tây, bài 24, *Văn hoá sinh thực trong bát quái* của Quách Mạt Nhược, tr. 92 - chữ Hán.

⁶ Trần Chí Lương (1996), *Đối thoại với tiên triết về văn hoá phương Đông thế kỉ XXI*, người dịch Trần Trọng Sâm, Nguyễn Thanh Diên, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 49.

⁷ Kiều Ngọc (1994), *Tập tục dân gian và ý nghĩa tượng trưng của hoa sen*, Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật số 1, tr. 25-27

⁸ Viện sĩ Phạm Huy Thông (1999), *Lời giới thiệu, Dong Son Drums in Viet Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 278.

chúng tôi coi Hùng Linh Ngọc Lũ là biểu tượng bộ phận sinh nở của người mẹ, cho nên rất tâm đắc với lời nhận định đó của Fr. Heger trong đề tài *Văn hoá Nữ Nường* của mình.



(Nguồn của Bảo tàng Lịch sử Việt Nam)

Dòng lễ hội vòng đời của người Văn Lang đỉnh cao ở thời Đông Sơn, được lan toả truyền nói trong vùng Đông Nam Á, nay gọi là lễ hội phân thực, chúng tôi gọi là lễ hội Nữ Nường, còn địa phương gọi là lễ hội “cầu đình” (cầu con trai) như lễ hội Trò Trám ở Tứ Xã (Phú Thọ). Trung tâm của lễ “cầu đình” là lễ mật tắt đèn, xướng diễn trò *Linh tinh tình phộc* vào giờ Tý nửa đêm của một đôi nam nữ. Sau giờ lễ mật trong miếu thì bên ngoài dân làng cũng tiến hành lễ thức *Linh tinh tình phộc* này. Đưa bé được hoài thai trong giờ lễ thức *Linh tinh tình phộc* ấy, tức là lễ mật *hèm tục* đã thành công, đem lại sự yên lành cả năm cho dân làng⁹. Qua lễ hội Nữ Nường ngày nay với lễ thức *Linh tinh tình phộc* mới hiểu được cảnh “giã” trống (Hình 4) trong hoa văn Hùng Linh Ngọc Lũ - tức là một cảnh *Linh tinh tình phộc* trong lễ hội vòng đời của con người thời đó.

2. Hoa văn biểu tượng Hùng Linh Ngọc Lũ

Hùng Linh Ngọc Lũ *Thất đáy lung ong* là hình dáng người mẹ, với bộ phận sinh nở gồm ba phần: lòng của cổ vật là tử cung, miệng là lỗ “oa” (Nữ Oa), còn mặt Hùng Linh là biểu đạt về khởi nguyên vòng đời của con người từ quả trứng của người mẹ với chu kỳ kinh nguyệt 28 ngày: nóm tròn giữa chính tâm là quả trứng 14 tia quay ra và 14 tia quay vào, bao quanh nóm tròn là 28 ngày của chu kỳ kinh nguyệt: ở đây, 14 tia nổi thì tia nổi thứ 14 chỉ ngày trứng rụng, còn 14 tia chìm (hình chấm đen) thì tia chìm

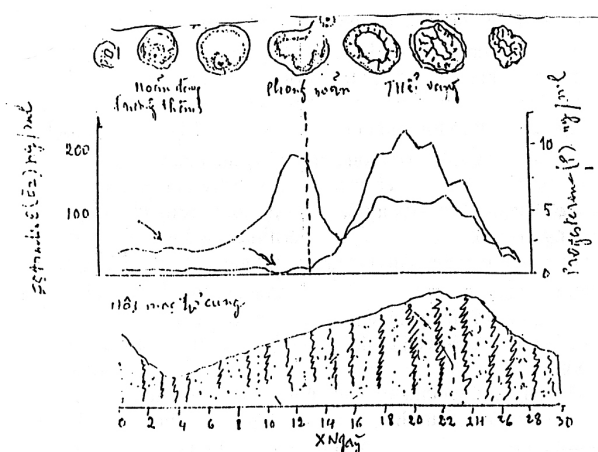
⁹ Dương Đình Minh Sơn (2008), *Văn hoá Nữ Nường*, Nxb. Khoa học xã hội.

thứ 14 chỉ ngày xuất hiện kinh nguyệt của đợt tới, nếu quả trứng vừa rụng đó không được thụ tinh (Hình 5)



Hình 5

Hình 5 này phù hợp với biểu đồ ngày rụng trứng và chu kỳ kinh nguyệt 28 ngày của người mẹ (Sách *Y học phẫu thuật* bản Anh văn, tập V, tr. 30 Thư viện Viện Bà mẹ trẻ sơ sinh TW, do Bác sĩ Chu Kiện Sơn, cán bộ Thư viện cung cấp năm 1998).

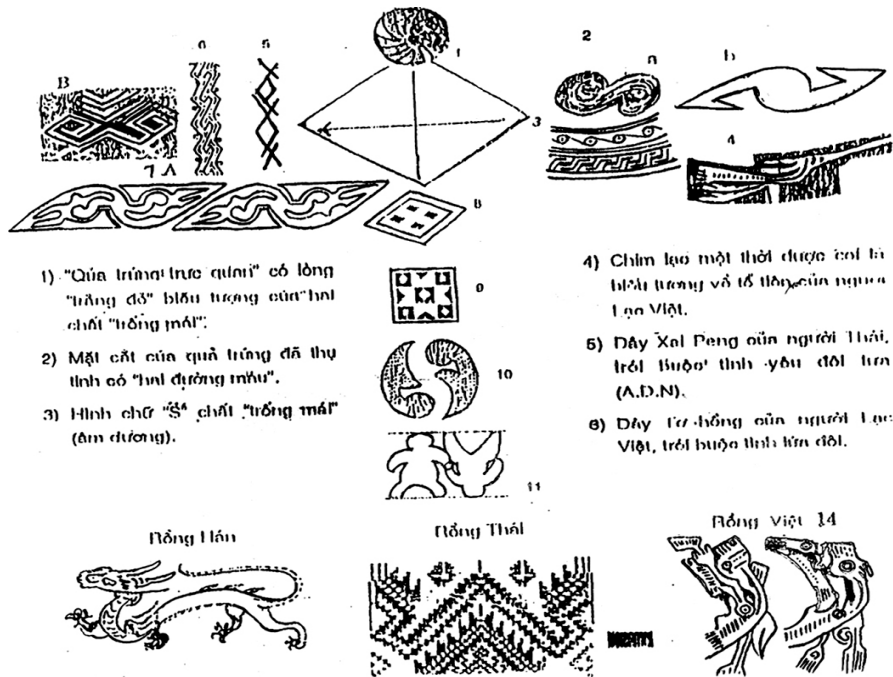


Hình 6. Biểu đồ ngày rụng trứng và chu kỳ kinh nguyệt

Khi quả trứng của người mẹ rụng được thụ tinh, sẽ thành hai đường máu và phát triển bằng hai hướng. Hướng thứ nhất phân làm hai nhánh: một nhánh đi sang phải, một nhánh đi sang trái, còn hướng thứ hai đi thẳng xuống biểu diễn theo hình thoi (xem Biểu đồ ở Hình 7). Hướng thứ nhất, *nhánh đi sang phải*: thành hình chữ S (âm dương) các dạng - (Hình 2a), mà thành hình *tiếp tuyến*, đường *hồi văn* (Hình 3) rồi thành đôi chim Lạc trống mái (Hình 4). *Nhánh đi sang trái*: thành "*dây cuộn thừng*" (Hình 5 và 6) (chúng tôi gọi là dây "*tơ hồng*") mà thành đôi rồng đá – hai đầu có mỏ như càng cua (Hình 7a) và đôi rồng Mùng trong hoa văn thổ

cắm của họ (Hình 7b) mà thành đôi rồng Việt trông mái trên tang Hùng Linh Ngọc Lũ (Hình 14)

Hướng thứ hai đi thẳng xuống: thành hoa văn bốn múi, tám múi còn gọi là hoa văn hoa thị (hình 8, 9) (sách y học gọi là tế bào) mà thành hình "hài nhi" ba tháng (hình 10) và đủ tháng lọt lòng mẹ (hình 11). Đó là nội dung cơ bản được biểu đạt trong hoa văn Hùng Linh Ngọc Lũ làm vật linh – bản Sứ thi của dân tộc Văn Lang –Giao Chỉ. Những hình thái hoa văn này được lan toả truyền nổi trong dân gian mà thành hoa văn thổ cẩm của người Việt và của các dân tộc gần kề.



- 1) "Quả trứng trước quini" có lòng "trắng đỏ" biểu tượng của "hài nhi" "trống mái".
- 2) Mặt cắt của quả trứng đã thụ tinh có "hài dương nhũ".
- 3) Hình chữ "S" chỉ "trống mái" (âm dương).

- 4) Chín lao một thời được coi là biểu tượng vô tổ tông của người Lạc Việt.
- 5) Dây Xel Peng của người Thái, trổ bụng tình yêu đôi lứa (A.D.N).
- 6) Dây từ thông của người Lạc Việt, trổ bụng tình yêu đôi lứa.

Hình 7. Biểu đồ phân nhánh của trứng được thụ tinh

Cũng cần nói thêm, những người mẹ có chu kỳ kinh nguyệt trên 28 ngày, thậm chí là ba tháng thì phương thức tính là lấy ngày xuất hiện kinh nguyệt của lần tới, rồi tính lùi lại 14 ngày. Đó là ngày trứng rụng ở người mẹ ấy.

Như vậy, ngày 14 là số **định mệnh** của con người trong chu kỳ kinh nguyệt 28 ngày của người mẹ: trứng rụng được thụ tinh là sống, không được thụ tinh là chết, chỉ diễn ra trong một khoảnh khắc. Giới Y học coi sự xuất hiện kinh nguyệt ở người mẹ là hồi chuông báo tử của một sinh linh.

3. Kiểm chứng khoa học

Khi cho rằng, hoa văn Hùng Linh Ngọc Lũ là biểu đạt về bản tổng “điều tra” dân số và kinh tế, tiến hành trong ngày thành lập nước Văn Lang của vua Hùng, trong đó lấy số **14 định mệnh** của con người làm ước số, còn bội số là các số liệu hoa văn biểu tượng và hoa văn hiện thực ghi theo từng nhóm trên Hùng Linh Ngọc Lũ cộng lại, tổng số của từng nhóm ấy sẽ là bội số của 14. Điều này cho thấy, hài nhi nằm trong bụng mẹ 280 ngày cũng là bội số của 14. Nhưng tại sao các con số ghi trên Hùng Linh không đều nhau? Đó là số liệu tượng trưng dân số của từng địa phương, khi cộng lại mới thành số liệu của cuộc điều tra dân số là bội số của 14 định mệnh.

Những con số ở đây là căn cứ vào sách *Trống Đông Sơn* của nhóm Phạm Minh Huyền¹⁰. Có tham khảo các nguồn tư liệu khác kể cả bản dập do Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam cung cấp, nhưng sách *Trống Đông Sơn* ghi tăng 1 người thành 3 người ở ngôi nhà sống vĩnh trên nóc có một con chim (Hình 2b).

Hoa văn biểu tượng ghi trên Hùng Linh Ngọc Lũ gồm có bốn loại. Một là hoa văn biểu tượng; hai là hoa văn đồ vật; ba là hoa văn động vật và bốn là hoa văn hình người (các sách chỉ gọi hai loại: hoa văn biểu tượng và hoa văn hiện thực).

Mặt Hùng Linh Ngọc Lũ ở chính tâm, gồm một núm tròn với 14 tia nổi quay ra và 14 tia chìm quay vào (14 tia quay vào lâu nay không tính, chỉ nói là hình lông công), còn lại từ trong ra ngoài có 16 vành hoa văn. Vành 1, 5, 11 và 16 là những hoa văn chấm dải. Vành 2, 4, 7, 9, 13 và 14 là những hoa văn hình tròn có tiếp tuyến. Vành 3 là những hình chữ S gãy khúc nối tiếp. Vành 13 và 16 là hoa văn răng cưa, xen giữa các răng cưa còn có hai hàng chấm nhỏ. Vành 6, 8, 10 là hình người và động vật điều hành xung quanh núm tròn (chính tâm) theo hướng ngược chiều kim đồng hồ. Sau đây là bảng kê các số liệu:

1). Số lượng hoa văn biểu tượng hình tròn có tiếp tuyến ghi trong 6 vành: 2, 4, 7, 9, 13 và 14 như sau: 112, 147, 207, 248, 322, 336.

Tổng cộng hình tròn có tiếp tuyến là 1372: 14 = 98.

2). Số liệu hoa văn đồ vật ở vành số 6 gồm có: 4 ngôi nhà cộng 6 đồ vật (2 cối và 4 chày), cộng 26 đồ vật ở hai nhóm giếng trống (một nhóm 4

¹⁰ Nhóm Phạm Minh Huyền, *Trống Đông Sơn*, Sdd, tr.41.

gậy già trống, 4 trống, 4 giá đỡ trống 1 mặt sàn) cộng 6 chiếc thuyền bên thân trống.

Tổng số đồ vật là $42 : 14 = 3$.

3). Số liệu hoa văn động vật vành số 8, hươu và chim có bốn nhóm. Nhóm một: **10 con hươu**, nhóm hai **8 con chim**, nhóm ba **10 con hươu**, nhóm bốn **6 con chim** và vành 10, gồm 18 đôi chim Lạc trống mái (chim trống mỏ dài).

Tổng số chim và hươu là 70 con: $14 = 5$.

4). Số liệu hình người ở vành 6 có 34 người, hoạt động trong các nhóm: hai nhóm múa 13 người (một nhóm 6, một nhóm 7); tiếp theo, hai nhóm ngồi già trống 8 người (mỗi nhóm 4 người); tiếp theo hai nhóm 6 người (một nhóm 2 người già gạo, 1 người vỗ tay), tiếp theo 7 người hoạt động trong bốn ngôi nhà (một nhà 3 người, một nhà 2 người và hai nhà, một nhà 1 người), còn số người hoạt động bên thân trống là 50 người, gồm 38 người trong 6 chiếc thuyền (ba chiếc thuyền, mỗi chiếc có 7 người, còn hai chiếc mỗi chiếc có 6 người và một chiếc có 5 người, cùng 12 người đứng trong sáu ô hình chữ nhật (mỗi ô 2 người), cộng là 50 người.

Vậy số lượng người trên mặt Hùng Linh là: **34** người.

Số lượng người bên tang Hùng Linh là: **50** người.

Tổng số là 84 người: $14 = 6$.

Từ đó, chúng tôi đã đếm thêm hai vành hình răng cưa nằm ngoài cùng: vành 13 có 465 cái, vành 16 có 515 cái. Tổng cộng là: $465 + 515 = 980 : 14 = 70$.

Ở đây vành số 3 hoa văn biểu tượng hình chữ S gãy khúc có 66 hình, không phải là bội số của 14, hẳn sẽ có một số nào đó cộng vào. Nếu lấy nôm tròn là 1, và vòng tròn chính tâm là 2 cộng với 16 vành ngoài thì có: $18 + 66 = 84 : 14 = 6$.

Cũng cần nói thêm - số 14 định mệnh và chu kỳ kinh nguyệt 28 ngày của người mẹ là nằm trong hệ sinh thái chuyển động của vũ trụ: hệ sao Nhị thập bát tú (28 ngôi sao) hợp thành một vòng trên đường Hoàng đạo hay đường đi biểu kiến của Mặt trời trên bầu trời.

Tóm lại, số lượng hoa văn biểu tượng và hoa văn hiện thực ghi thành hoa văn Hùng Linh Ngọc Lũ, khi cộng lại thành tổng số - tổng số ấy là bội số của 14 định mệnh, ngày thai nhi nằm trong bụng mẹ (9 tháng 10

ngày) = 280 ngày cũng là bội số của 14. Đó là việc làm của người xưa có chủ định, không phải ngẫu nhiên. Chúng tôi cho rằng, hoa văn Hùng Linh Ngọc Lũ cũng tuân theo hệ quy chiếu của nền *Văn hóa Nỗ Nùng* của dân tộc. Vì thế, Hùng Linh Ngọc Lũ là vật linh (*hèm*), sản phẩm văn hóa mang tính biểu tượng của quốc gia và quyền uy của vua Hùng, vật thờ cúng, cho nên vương triều Đại Việt lập đền thờ thần Đổng Cổ sau chùa Thánh Thọ, nay là 353 đường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội; còn đền thần Đổng Cổ ở Thanh Hóa tương truyền có từ thời Hùng Vương. Do đó, có thể nhận định rằng, Hùng Linh Ngọc Lũ của ta cũng như đỉnh đồng thời nhà Thương của Trung Quốc. Nhưng hơn thế, Hùng Linh Ngọc Lũ còn có ký hiệu hoa văn huyền bí biểu đạt về vòng đời của con người - bản *Sử thi* mang tính minh triết phương Đông và tính thẩm mỹ của cổ vật có một không hai của nhân loại.

Tài liệu tham khảo

1. Hà Văn Tấn (1998), *Theo dấu các văn hoá cổ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 638.
2. M. Colani (1940), *Survivance d'un culie solaire*, in *Proceedings of the Third Congress of prehistorians of the Far East* ("Tàn dư của một tín ngưỡng thờ mặt trời". Trong "kỷ yếu Đại hội các nhà tiền sử Viễn Đông lần thứ ba") Singapore tr. 173-173.
3. Bùi Huy Hồng (1974), *Lịch thời Hùng Vương trên mặt trống đồng Ngọc Lũ, khảo cổ học số 14*, tr. 65-108.
4. Lê Văn Siêu (2003), *Việt Nam văn minh sử lược khảo*, Nxb. Lao Động, tập thượng, tr.58-59.
5. Vương Ngọc Đức (1990), *Thần bí đích bát quái*, Nxb. Nhân dân tỉnh Quảng Tây, bài 24, *Văn hoá sinh thực trong bát quái* của Quách Mạt Nhược, tr. 92 - chữ Hán.
6. Trần Chí Lương (1996), *Đối thoại với tiên triết về văn hoá phương Đông thế kỉ XXI*, người dịch Trần Trọng Sâm, Nguyễn Thanh Diên, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 49.
7. Kiều Ngọc (1994), *Tập tục dân gian và ý nghĩa tượng trưng của hoa sen*, Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật số 1, tr. 25-27
8. Viện sĩ Phạm Huy Thông (1999), *Lời giới thiệu*, *Dong Son Drums in Viet Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 278.
9. Dương Đình Minh Sơn (2008) *Văn hoá Nỗ Nùng*, Nxb. Khoa học xã hội.
10. Nhóm Phạm Minh Huyền, Trống Đông Sơn, *Sđd*, tr.41.